

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22821401] - Đồ án Điện công
nghiệp (CCQ2205A)

CBGD:

Số SV có mặt: 10/4

Số bài thi: 10/4

Số tờ giấy thi: 10/4

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050050	Lê Đình Trường	An	02/09/2004	CCQ2205B		An	8,5	8,5	8,5
2	2122050122	Nguyễn Chí	An	15/11/2004	CCQ2205D		An	8,0	9,0	8,6
3	2122050004	Trương Khánh	Âu	12/08/2004	CCQ2205A		ct	9,0	8,3	8,6
4	2122050009	Nguyễn Thành Thanh	Bảo	14/05/2004	CCQ2205A			8,0	8,0	8,0
5	2122050149	Nguyễn Văn	Bảo	24/10/2004	CCQ2205D			8,5	9,0	8,8
6	2122050151	Lê Quý	Cầu	11/10/2004	CCQ2205C		Cau	6,5	9,0	8,0
7	2122050047	Nguyễn Tấn	Chiến	25/06/2004	CCQ2205B	V				
8	2122050117	Nguyễn Văn	Chương	16/12/2004	CCQ2205D		thong	7,0	9,0	8,2
9	2122050082	Đoàn Đông	Cơ	16/06/2004	CCQ2205C		Cơ	6,5	8,5	6,5
10	2122050043	Đặng Quốc	Cường	18/03/2004	CCQ2205B		Cuong	7,1	7,1	7,1
11	2122050022	Mai Quang	Đại	10/06/2004	CCQ2205A		Đai	8,0	7,8	7,9
12	2122050038	Phạm Thanh	Diễn	05/05/2004	CCQ2205B		Diễn	7,3	7,3	7,3
13	2122050087	Lê Việt	Đông	17/02/2004	CCQ2205C		Đo	8,5	8,5	8,5
14	2122050008	Lưu Bá	Đông	27/07/1998	CCQ2205A		Đong	8,0	7,5	7,7
15	2122050127	Nguyễn Ngọc	Đức	13/03/2004	CCQ2205D			9,0	9,0	9,0
16	2122050062	Nguyễn Trung	Đức	16/01/2003	CCQ2205B		Đức	7,8	7,8	7,8
17	2122050142	Dương Văn	Dũng	15/12/2001	CCQ2205C			7,0	6,0	6,4
18	2122050040	Vũ Văn Hùng	Dũng	23/09/2003	CCQ2205B			6,0	6,0	6,0
19	2122050128	Nguyễn Xuân	Dương	01/01/2004	CCQ2205D			7,5	8,0	7,8
20	2122050026	Nguyễn Xuân	Duy	09/12/2004	CCQ2205A			7,0	6,5	6,7
21	2122050042	Trần Lê Nhật	Duy	06/11/2004	CCQ2205B		Duy	6,0	6,0	6,0
22	2122050144	Hà Trần Ngọc	Giăng	19/01/2004	CCQ2205D			7,0	8,0	7,6
23	2122050012	Huỳnh Ngô Phước	Hải	26/03/2004	CCQ2205A		Hai	7,0	8,0	7,6
24	2122050120	Phạm Thanh	Hải	25/01/2004	CCQ2205A		Hai	7,0	7,5	7,3
25	2122050119	Trương Minh	Hiền	16/11/2004	CCQ2205A			8,0	6,5	7,2
26	2122050037	Nguyễn Trung	Hiếu	04/04/2004	CCQ2205B			7,7	7,7	7,7
27	2122140064	Nguyễn Huy	Hoàng	23/02/2001	CCQ2205D		Hoang	7,0	8,5	7,1
28	2122050023	Trần Hữu	Hoàng	09/12/2004	CCQ2205A			7,0	6,5	6,7

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22821401] - Đồ án Điện công nghiệp (CCQ2205A)

CBGD:

Số SV có mặt: 15/15

Số bài thi: 15/15

Số tờ giấy thi: 15/15

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122050036	Võ Phước	Hơn	16/04/2004	CCQ2205B		7,5	7,5	7,5
30	2122050139	Võ Văn	Hùng	23/01/2004	CCQ2205C		7,0	6,0	6,4
31	2122050077	Nguyễn Công	Hưng	12/12/2004	CCQ2205C		7,0	7,0	7,0
32	2122050059	Phan Trọng	Hữu	23/03/2004	CCQ2205B		6,0	6,0	6,0
33	2122050129	Tổng Quang	Huy	09/06/2002	CCQ2205D	✓	0,0	0,0	0,0
34	2122170390	Nguyễn Trần Đức	Hy	25/07/2004	CCQ2205D		7,0	7,0	7,0
35	2121050013	Nguyễn Ngọc	Kha	21/11/2003	CCQ2105A	✓	0,0	0,0	0,0
36	2122050046	Đoàn Minh	Khải	29/07/2004	CCQ2205B		6,0	6,0	6,0
37	2122050045	Phan Văn	Khải	31/08/2003	CCQ2205B	✓			
38	2122050083	Nguyễn Duy	Khánh	30/11/2004	CCQ2205C		6,7	6,7	6,5
39	2120050115	Trương Duy	Khánh	13/06/2002	CCQ2005D	Vang	6,7	6,5	6,7
40	2122050029	Lương Duy	Khoa	11/06/2003	CCQ2205A		7,0	6,8	6,9
41	2122050150	Nguyễn Anh	Khoa	17/02/2002	CCQ2205A	✓			
42	2122050086	Trần Đăng	Khoa	01/01/2004	CCQ2205C		7,0	7,0	7,0
43	2122050013	Trần Gia	Lâm	26/08/2004	CCQ2205D		7,4	7,4	7,4
44	2122050071	Nguyễn Công	Lập	02/09/2004	CCQ2205C		8,5	7,5	8,0
45	2121050062	Nguyễn Tự	Lập	10/08/2003	CCQ2105B	✓	0,0	0,0	0,0
46	2122050133	Đỗ Văn Ngọc	Lưu	20/01/2004	CCQ2205D		6,9	6,9	6,9
47	2122170394	Lê Văn	Lưu	26/07/2004	CCQ2205D		7,4	7,4	7,4
48	2122220028	Trần Huỳnh	Mãnh	19/08/2004	CCQ2205D		7,4	7,4	7,4
49	2122050053	Nguyễn Phạm Hoàng	Minh	20/11/2004	CCQ2205B		6,8	6,8	6,8
50	2122170387	Võ Xuân	Minh	05/08/2004	CCQ2205D		6,8	6,8	6,8
51	2122050099	Trương Công	Nghĩa	14/04/2004	CCQ2205C		6,8	7,0	6,7
52	2122050075	Nguyễn Đình	Ngọc	12/10/2003	CCQ2205C		7,6	7,6	7,6
53	2122050015	Trương Đắc	Ngọc	17/09/2004	CCQ2205A		7,0	6,5	6,7
54	2122050106	Dương Thành	Nguyên	16/02/2004	CCQ2205D		7,4	7,4	7,4
55	2122050067	Nguyễn Tấn Gia	Nguyên	30/04/2004	CCQ2205B		7,0	7,0	7,0
56	2122050076	Lương Văn	Nhân	20/02/2004	CCQ2205C		7,2	7,2	7,2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22821401] - Đồ án Điện công
nghiệp (CCQ2205A)

CBGD:

Số SV có mặt: 10/8

Số bài thi: 10/8

Số tờ giấy thi: 10/8

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
57	2122050020	Nguyễn Lê Hiếu	Nhân	17/11/2004	CCQ2205A			9,5	9,0	9,2
58	2122050136	Trần Khắc	Nhân	24/03/2004	CCQ2205B		Nhân	6,0	6,0	6,0
59	2122050031	Đào Minh	Nhật	31/01/2004	CCQ2205A		Nhật	8,0	6,5	7,1
60	2122050017	Huỳnh Tuấn	Nhật	05/03/2004	CCQ2205A			8,0	8,5	8,3
61	2122140060	Mai Quốc	Nhật	02/02/2004	CCQ2205C		Nhật	7,0	7,0	7,0
62	2122050003	Nguyễn Minh	Nhật	06/01/2004	CCQ2205A	✓				
63	2122050097	Nguyễn Minh Khánh	Nhật	26/09/2003	CCQ2205C	✓				
64	2122050068	Nguyễn Hữu	Phát	19/02/2003	CCQ2205B			8,5	9,0	8,8
65	2122050118	Lê Tuấn	Phong	02/08/2004	CCQ2205A			5,0	5,0	5,0
66	2122200018	Đặng Thanh	Phúc	20/08/2002	CCQ2205D		Phúc	7,1	7,1	7,1
67	2122050069	Huỳnh Ngọc	Phúc	10/12/2003	CCQ2205B		Phúc	8,0	9,0	8,6
68	2122050148	Nguyễn Minh	Phúc	14/07/2004	CCQ2205C		Phúc	5,0	5,0	5,0
69	2122050057	Lê Quang	Phương	03/08/2004	CCQ2205B		Phương	8,0	9,0	8,6
70	2122050049	Đặng Minh	Quân	17/06/2004	CCQ2205B		Quân	8,0	9,0	8,6
71	2122050028	Lê Mậu Hải	Quân	09/03/2004	CCQ2205A	✓				
72	2122050089	Nguyễn Đức	Quân	10/05/2004	CCQ2205C		Quân	7,0	7,0	7,0
73	2122050056	Lê Thanh	Quang	24/11/2004	CCQ2205B		Quang	8,0	9,0	8,6
74	2122050032	Lê Nam	Quốc	26/03/2004	CCQ2205A		Quốc	7,0	7,0	7,0
75	2122050135	Nguyễn Hoàng	Quốc	08/03/2004	CCQ2205A		Quốc	7,0	7,0	7,0
76	2122050137	Trần Văn	Quốc	11/02/2004	CCQ2205B	✓				
77	2122050090	Trần Văn	Quyền	02/10/2004	CCQ2205C		Quyền	7,1	7,1	7,1
78	2122050121	Lê Đình	Son	07/04/2004	CCQ2205A		Son	5,0	7,0	8,2
79	2122050018	Trương Tấn	Tài	02/01/2004	CCQ2205A			8,0	6,7	6,7
80	2122050130	Dương Minh	Tân	22/12/2004	CCQ2205D			6,7	6,7	6,7
81	2122050007	Nguyễn Duy	Tân	20/01/2004	CCQ2205A		Tân	6,0	7,0	8,6
82	2122050107	Lê Thanh	Thái	24/07/2002	CCQ2205D			8,5	9,0	8,8
83	2122050027	Nguyễn Thành	Thái	13/04/2004	CCQ2205A		Thái	6,5	7,5	7,1
84	2122050051	Tô Đình	Thành	18/06/2004	CCQ2205B			8,5	9,0	8,8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22821401] - Đồ án Điện công nghiệp (CCQ2205A)

CBGD:

Số SV có mặt: 108

Số bài thi: 108

Số tờ giấy thi: 108

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
85	2122180045	Trương Lương Nguyễn Thành	13/11/2004	CCQ2205D		Thành	9,5	9,0	9,2
86	2122170536	Đào Huỳnh Xuân Thiện	21/08/2004	CCQ2205D		Thiện	7,5	8,0	7,8
87	2122050061	Huỳnh Quốc Thịnh	03/07/2004	CCQ2205B		Thịnh	8,5	9,5	9,1
88	2122050124	Võ Đức Thịnh	12/12/2004	CCQ2205D		Thịnh	7,5	8,0	7,8
89	2122050055	Trần Ngọc Thông	03/07/2004	CCQ2205B	✓				
90	2122050030	Khê Như Thuận	13/09/2004	CCQ2205A		Thuận	6,0	7,0	6,6
91	2122050147	Huỳnh Văn Thuận	26/05/2003	CCQ2205C		Thuận	6,6	6,6	6,6
92	2122050019	Nguyễn Văn Minh Thuận	12/03/2004	CCQ2205A		Thuận	7,0	7,5	7,3
93	2122050021	Phạm Văn Thiện Thuật	19/01/2001	CCQ2205A		Thuật	8,0	7,0	7,4
94	2122050081	Trương Lê Ngọc Tiên	06/11/2003	CCQ2205C		Tiên	7,8	7,8	7,8
95	2122170537	Phan Trần Phước Tiến	29/08/2004	CCQ2205D		Tiến	7,5	8,5	8,1
96	2122050006	Nguyễn Duy Tiền	09/01/2003	CCQ2205A	✓		5,0	6,0	5,6
97	2122050064	Vạn Trung Tín	05/10/2004	CCQ2205B	✓				
98	2122050078	Lê Minh Trí	07/12/2004	CCQ2205C		Trí	7,0	7,0	7,0
99	2122050066	Hồ Mạnh Trình	27/03/2004	CCQ2205B		Trình	5,8	5,8	5,8
100	2122050035	Đào Phú Minh Trịnh	11/04/2004	CCQ2205A		Trịnh	6,0	7,0	6,6
101	2122050058	Đặng Minh Trọng	12/02/2004	CCQ2205B		Trọng	7,4	7,4	7,4
102	2122050074	Nguyễn Hữu Trọng	29/06/2003	CCQ2205C		Trọng	7,5	8,0	7,8
103	2122050025	Đặng Minh Trực	07/01/2004	CCQ2205A		Trực	6,0	6,5	6,3
104	2121050048	Trần Trung Trực	01/10/2002	CCQ2105B	✓		0,0	0,0	0,0
105	2122050126	Lê Thành Trung	29/10/2004	CCQ2205D		Trung	8,5	8,0	8,2
106	2122050085	Nguyễn Thành Trung	22/11/2004	CCQ2205C		Trung	8,5	8,5	8,5
107	2122050111	Võ Thanh Trung	20/06/2004	CCQ2205D		Trung	7,5	8,5	8,1
108	2122050014	Huỳnh Văn Trường	07/01/2004	CCQ2205A		Trường	7,4	7,4	7,4
109	2122050114	Nguyễn Văn Trường	08/03/2004	CCQ2205B		Trường	6,0	6,0	6,0
110	2122050095	Nguyễn Trung Tứ	24/02/2004	CCQ2205C	✓				
111	2122050016	Hồ Minh Tuấn	22/08/2004	CCQ2205A		Tuấn	7,1	7,1	7,1
112	2122050024	Nguyễn Văn Tuấn	24/08/2004	CCQ2205A		Tuấn	7,2	7,2	7,2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22821401] - Đồ án Điện công
nghiệp (CCQ2205A)

CBGD:

Số SV có mặt: 10/11

Số bài thi: 10/11

Số tờ giấy thi: 10/11

phạm Thi

phạm Thi

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
113	2122050039	Lê Văn	Tường	01/04/2004	CCQ2205B		<i>Tường</i>	8,0	8,0	8,0
114	2122140015	Ngô Hoàng	Việt	07/07/2004	CCQ2205A		<i>Việt</i>	7,3	7,3	7,3
115	2122050010	Nguyễn Quốc	Việt	17/05/2004	CCQ2205A		<i>Việt</i>	7,5	7,5	7,5
116	2122050105	Nguyễn Quốc	Việt	11/03/2004	CCQ2205D		<i>Việt</i>	8,5	8,0	8,2
117	2122050123	Nguyễn Văn	Vin	01/04/2003	CCQ2205D		<i>Vin</i>	8,5	8,5	8,5
118	2122110207	Nguyễn Trí Tuấn	Vũ	14/03/2004	CCQ2205B		<i>Vũ</i>	6,0	6,0	6,0
119	2122050103	Trần Anh	Vũ	08/05/2004	CCQ2205D		<i>Vũ</i>	8,5	8,0	8,2
120	2122050145	Nguyễn Thanh	Vương	24/08/2004	CCQ2205B	<i>✓</i>				